



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2022

MỤC LỤC

I – Thông tin chung	trang 3
II – Tình hình hoạt động trong năm	trang 12
III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	trang 21
IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty	trang 26
V – Quản trị Công ty	trang 27
VI – Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã kiểm toán	trang 36

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn điều lệ: 94.270.000.000 VNĐ (Chín mươi bốn tỉ hai trăm bảy mươi triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 94.270.000.000 VNĐ (Chín mươi bốn tỉ hai trăm bảy mươi triệu đồng)
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã cổ phiếu : **VNL**

Quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Ngày thành lập Công ty : 16/07/1999
- ❖ Thời điểm niêm yết : ngày 17/08/2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE) với mã chứng khoán **VNL**
- ❖ Các mốc sự kiện quan trọng từ khi thành lập

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **VINACONSOL**.

Năm 1999:

- ❖ 24/6 : Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN VINATRANS, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **VINALINK**; vốn điều lệ 8 tỷ VNĐ (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, xuất nhập khẩu, ...
- ❖ 16/07 : Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy công ty bao gồm :

- Ban Giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ 01/09 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/07/1999.

Năm 2000:

- ❖ 07/03 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- ❖ 05/04 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na Uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, sau chuyển về 44 Trường sơn Quận Tân Bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).

- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines ...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động
- ❖ Tháng 9 : Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte. Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động.
- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng

ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM Co., Ltd. Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte, Ltd (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM Co., Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembourg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt Nam.

Năm 2008

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.
- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

Năm 2010

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt

động cho VPĐD của Công ty tại Phnompenh

Năm 2011

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:



Tên miền:

headoffice@vinalinklogistics.com

Trang Web:

www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012 :

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

Năm 2013

Ngày 4/1/2013, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

Năm 2014

Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/05/2014.

* Tên công ty trước khi thay đổi : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

* Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

* Tên viết tắt : **VINALINK**

Năm 2018

❖ 01/06 : Chi nhánh công ty tại Đà Nẵng chính thức hoạt động.

❖ 01/07 : Chi nhánh công ty tại Quy Nhơn chính thức hoạt động.

Năm 2019

Thay đổi trụ sở chính tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh từ ngày 21/05/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 21/05/2019.

Năm 2021

23/11/2021 : Quyết định giải thể Chi nhánh Công ty tại Quy Nhơn.

14/12/2021 : Chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia), chính thức chấm dứt hoạt động; không còn là công ty con.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh (dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

* Giao nhận vận tải quốc tế : bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức.

* Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.

* Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông)

- Địa bàn kinh doanh (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) : TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

* Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

* 3 chi nhánh : Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý



Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh

❖ **Chi nhánh Công ty :**

- **Hà Nội: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)**
 Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
 ĐT: (84-24) 37724234 – Fax: (84-24) 37724235
 Email: han@vinalinklogistics.com
- **Hải Phòng: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng**
 Phòng 213-214 Tầng 2, Toà nhà Thành Đạt 1,
 Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ,
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng,
 ĐT: (84-225) 3979582 – Fax: (84-225) 3979583
 Email: hph@vinalinklogistics.com
- **Đà Nẵng: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Đà Nẵng**
 773 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà,
 Thành phố Đà Nẵng
 ĐT : (84-236) 3552528 Email: dad@vinalinklogistics.com

❖ **Địa điểm kinh doanh**

Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không

62 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (84-28) 3848 7252

Email : sgn-air@vinalinklogistics.com

Địa điểm kinh doanh

145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TPHCM

Các công ty đầu tư - liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ /VĐL	Ghi chú
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	946.800.000	20%	Công ty liên doanh
2	Cty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (FC Vietnam)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	3.918.874.000	30%	Công ty liên doanh
3	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	Số 18A Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	4.908.430.302	9,15%	Công ty liên doanh
4	Cty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết (LCM)	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	1.927.800.000	30%	Công ty liên doanh
5	Công ty CP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	Số 184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	8.784.000.000	27,89%	Công ty liên kết
6	Công ty CP Logistics Kim Thành	Lô KB13, Đường T5, Khu Thương Mại - Công Nghiệp Kim Thành, Phường Duyệt Hải, Thành phố Lào Cai	19.120.589.000	30%	Công ty liên kết
7	Công ty CP Vận Chuyển Vinalink	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	2.000.000.000	40%	Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ đường biển, hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Đầu tư: nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.
- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường: xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.
- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

5. Các rủi ro:

Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có những rủi ro như:

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.

- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
- Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
- Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
- Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Thách thức từ dịch bệnh covid-19 đến ngành logistics từ đầu năm 2020 đến năm 2022. Các yếu tố bất thường khó lường vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy vẫn chưa trở lại bình thường như trước năm 2020, ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga-Ucraina đặt ra nhiều biến động khó lường trong hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là sự không ổn định của giá nhiên liệu, lạm phát và suy thoái toàn cầu có dấu hiệu trở lại, các nhà sản xuất lớn trong nước thiếu đơn hàng, hoạt động xuất nhập khẩu bị tác động lớn ...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	2022		2021	Tỉ lệ tăng / giảm	
	Kế hoạch	Thực hiện		TH/ KH 2022	2022/ 2021
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.000.000,000	1.096.727.838.424	1.377.222.381.437	73%	79,63%
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.866.379.238	46.863.872.793		114,94%
3. Lợi nhuận khác		121.952.672	9.300.200		1311,29%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	47.000.000.000	53.988.331.910	46.873.172.993	114,86%	115,18%
5. Lợi nhuận sau thuế		43.913.344.844	37.743.118.162		116,35%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4620	4110		112,41%
7. Cổ tức					
8. Tỉ lệ lãi trước thuế /vốn điều lệ		57,27%	52,08%		109,96%
9. Tỉ lệ lãi sau thuế /vốn điều lệ		46,58%	41,94%		111,08%

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán)

Đánh giá, phân tích kết quả và tình hình kinh doanh: xem Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL (%)	
			01/01/2022	31/12/2022
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc	1.0	1.08
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	0.67	0.76
3	Bà Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng Cty	0.028	0.15

b) Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN NAM TIẾN - Tổng Giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	06/02/1958
<i>Nơi sinh:</i>	Nam Định
<i>CCCD:</i>	036058006433 – cấp ngày 06/05/2020, CCS
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(84-28) 3991 9259
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác

- + 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.
- + 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.
- + 9/1999 đến 3/2008 : Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: + Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam)
- + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam)
- + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành
- + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Vận chuyển Vinalink + Thành viên HĐQT Cty TNHH vận tải Ô tô Vina Vinatrans

<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	101.560 cổ phần, chiếm 1,08 % vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	101.560 cổ phần, chiếm 1,08 % vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

<i>Họ và tên:</i>	VŨ QUỐC BẢO - Phó Tổng giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	31/12/1970
<i>Nơi sinh:</i>	Bình Định
<i>CCCD :</i>	052070012209 – cấp ngày: 12/08/2021- CCS
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	200/10 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TPHCM
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(84-28) 3991 9259
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
<i>Quá trình công tác:</i>	

Từ 1993 - 2004: Công tác tại công ty Vinatrans

Từ 2004 - 2010: Công tác tại công ty hãng tàu RCL Việt Nam – Phó Tổng Giám Đốc

Từ 2010 – nay: Công tác tại công ty CP Logistics Vinalink – Phó Tổng Giám Đốc

<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng giám đốc – Thành viên HĐQT
--	-------------------------------------

<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+ Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) + Thành viên HĐQT Công ty TNHH Konoike Vina
--	--

<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	60.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	72.000 cổ phần, chiếm 0,76% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Họ và tên: NGUYỄN ANH NAM – *Kế toán trưởng*
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978
Nơi sinh: Nha Trang – Khánh Hòa
CMND: 225587728 cấp ngày 04/12/2012 tại CA tỉnh Khánh Hòa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 214/7 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
Số ĐT Công ty: (84-28) 3991 9259
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác

- + Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink.
- + Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015 : Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink
- + Từ 01/09/2015 đến 01/07/2016 : Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Logistics Vinalink
- + Từ 02/07/2016 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Logistics Vinalink

Các chức vụ công tác hiện nay Kế toán trưởng
tại tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ
tại tổ chức khác:

- Tổng số cổ phần nắm giữ :* 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp
- + *Đại diện sở hữu :* Không
- + *Cá nhân sở hữu :* 14,000 cổ phần, chiếm 0.15 % vốn thực góp
- Hành vi vi phạm pháp luật :* Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:* Không

c) Thay đổi trong Ban Giám đốc : không có

d) Số lượng cán bộ, nhân viên : 312 người (trụ sở chính TPHCM và các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động : xem mục 6.6.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Số liệu theo Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán)

a) Các khoản đầu tư lớn: *không phát sinh*

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VĐL	Lợi nhuận cho Vinalink 2022	Lợi nhuận cho Vinalink 2021	Tỉ lệ tăng/giảm
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000	20%	2.706.621.859	6.273.022.916	-56,85%
2	Cty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (FC Vietnam)	3.918.874.000	30%	(598.195.460)	(165.358.781)	-261,76%
3	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.908.430.302	9,15%	2.351.561.308	1.680.009.752	39,97%
4	Cty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết (LCM)	1.927.800.000	30%	13.286.295.400	10.530.406.816	26,17%
5	Công ty CP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	8.784.000.000	27,89%	340.200.449	2.261.698.115	-84,96%
6	Công ty CP Logistics Kim Thành	19.120.589.000	30%	142.282.358	(141.759.704)	200,37%
7	Công ty CP Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	40%	2.687.219.441	1.359.716.662	97,63%

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT : triệu đồng)	Năm 2022	Năm 2021	%
Tổng giá trị tài sản	360.834.413.609	405.913.533.703	88,89%
Doanh thu thuần	1.096.727.838.424	1.377.222.381.437	79,63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.866.379.238	46.863.872.793	114,94%
Lợi nhuận khác	121.952.672	9.300.200	1311,29%
Lợi nhuận trước thuế	53.988.331.910	46.873.172.993	115,18%
Lợi nhuận sau thuế	43.913.344.844	37.743.118.162	116,35%
TL lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức chi trả/ lợi nhuận sau thuế)	42%	36%	117,86%

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	3,88	2,2	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:	3,88	2,2	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,31%	46,06%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	45,57%	85,39%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,04	3,39	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,00%	2,74%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,72%	17,24%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,17%	9,30%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,91%	3,40%	

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang niêm yết : 9.427.000 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.427.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 9.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 427.000 cổ phần (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, thời gian hạn chế chuyển nhượng 01 năm từ ngày 05/04/2022 đến ngày 05/04/2023.

b) Cơ cấu cổ đông:

Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày **23/03/2023**

Cổ đông trong nước : Tổng số 1.059 cổ đông, sở hữu 90,50% cổ phần VNL

- Cá nhân : 1.047, sở hữu 83,66 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 12, sở hữu 6,83 % cổ phần VNL

S T T	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (1)	505.540	5,36
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (19)	3.219.260	34,15
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (1049)	4.806.268	51
	Tổng cộng	8.531.068	90.50

Cổ đông ngoài nước : Tổng số 41 sở hữu 9,50 % cổ phần VNL

- Cá nhân : 31, sở hữu 5,5 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 10, sở hữu 4% cổ phần VNL

S T T	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0)	0	0
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (3)	537.520	5,7
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (38)	358.412	3,8
	Tổng cộng	411.932	9,5

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa : 49%

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:

S T T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương	2 Bích Câu, Đống Đa, Hà Nội	505,540	5.36

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022 đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021 và HĐQT.

Vốn điều lệ mới: 94.270.000.000 đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không phát sinh*

e) Các chứng khoán khác: (nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm): *không phát sinh*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính : chú trọng vào năng lượng sạch, vật liệu xanh, nâng hiệu quả chiếu sáng...

Cụ thể, Công ty lưu ý tiết kiệm năng lượng (điện) trong công sở, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu của các phương tiện vận tải.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)	2022	2021	% +/-
- Văn phòng :	106.474	106.887	- 0.4%
- Dịch vụ Kho– Bãi:	0	0	-

Trụ sở Công ty chỉ có văn phòng, không có kho bãi.

b) Thực hiện tiết kiệm năng lượng :

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.

- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ, ...

- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in ... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng. Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.

- Thường xuyên khuyến khích CB-NV đưa ra những sáng kiến, sắp xếp để tiết kiệm năng lượng.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : Công ty Cấp nước Sài Gòn

TIÊU THỤ NƯỚC	2022	2021	%
- Văn phòng :	1.098	1.450	- 25%
- Dịch vụ Kho- Bãi		0	-

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn :

- Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
- Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
- Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
- Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên.
- Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở CB-NV về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.

Trong năm 2022 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động : 312 người (trụ sở chính TPHCM, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng)

Mức lương tối thiểu : 5.300.000 đ / tháng

Mức lương trung bình : 15.000.000 đ / tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty :

- Thực hiện chế độ, chính sách với NLĐ theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).
- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến

đóng góp của NLD, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để NLD yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

- Chăm sóc sức khỏe: hàng năm tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho NLD nam và nữ.

- Đảm bảo an toàn: cung cấp trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở CBNV thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại các phòng ban.

- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLD.

- Chi phí đồng phục, nghỉ mát hàng năm.

- Chăm lo cho con CBNV vào các dịp Ngày Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung Thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học.

- Các hoạt động chào mừng ngày phụ nữ 8/3, 20/10.

- Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào, hội thi do Công đoàn Khối TMTW tổ chức.

- Trong năm 2022, Công đoàn và Công ty đã chi hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà Tết cho gia đình Công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 30.000.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp :

- Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc
- Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên;
- Tham gia vào những dự án
- Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia;
- Tham gia các nhóm làm việc
- Học hỏi từ đồng nghiệp.
- Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác: hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khoá học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ CBNV Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của Doanh nghiệp.

Trong năm 2022, Công ty đã đóng góp quỹ Vì người nghèo 5.000.000 đồng cho Công đoàn Khối.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ lên kế hoạch tham gia.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2022

DVT: tỉ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% 2022/2021
Tổng doanh thu	1.097	1.377	79,67%
Lãi trước thuế	53,99	46,87	115,19%
Lãi sau thuế	43,91	37,74	116,35%
Tỉ lệ lãi trước thuế / vốn điều lệ	57,27%	52,08%	109,97%
Tỉ lệ lãi sau thuế / vốn điều lệ	46,58%	41,93%	111,08%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2022 có một số điểm nổi bật như sau:

Về kết quả:

- Doanh thu giảm 20,37% so với năm trước và bằng 73% kế hoạch năm, tuy nhiên lợi nhuận năm 2022 tăng 15% so với năm trước và đạt 114,8% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 15% so với năm trước dù doanh thu giảm 20%. Đây là kết quả của việc tăng hiệu quả kinh doanh do kiểm soát tốt giá bán và chi phí.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 16.35% do lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết tăng.

Về tình hình kinh doanh:

1. Mặc dù đã được dự đoán năm 2022 là một năm có nhiều khó khăn sau đại dịch Covid-19 nhưng thực tế tình hình có nhiều diễn biến bất ngờ như khủng hoảng nhiên liệu đẩy giá lên cao trong phạm vi toàn cầu; chiến tranh Nga-Ukraina, lạm phát tăng cao ở các khu vực thị trường trọng yếu như châu Âu, Mỹ; chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tình hình dịch covid-19 tại Trung Quốc ... làm cho nhu cầu hàng hóa giảm, quan hệ cung cầu thị trường vận tải quốc tế đảo chiều nhất là về 6 tháng cuối năm; giá cước vận tải quốc tế giảm sâu làm cho doanh thu giảm đáng kể; giá nhiên liệu nội địa biến động phức tạp cùng với lượng hàng giảm làm cho hiệu quả dịch vụ vận chuyển nội địa giảm.
2. Trong tình hình thực tế đặc biệt như vậy công ty đã kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh việc quản lý và thực hành nghiệp vụ thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến của thị trường. Tập trung giữ ổn định lượng khách hàng truyền thống đi đôi với khai thác các mảng dịch vụ, các khách hàng mới trong đó chú trọng mảng dịch vụ hàng xuất khẩu trong mua bán trên thị trường thương mại điện tử, tổ chức

quản lý kinh doanh dịch vụ hợp lý chuyên nghiệp, tập trung nâng cao hiệu quả dịch vụ thông qua việc kiểm soát tập trung giá bán và chi phí, phối hợp tốt giữa các đơn vị tại TP. HCM và các địa phương đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng và đại lý.

3. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý phù hợp với tình hình mới, trong đó :
 - + Giữ ổn định các dịch vụ với các khách hàng chủ lực, chuyển phương thức tiếp cận dịch vụ và làm việc, kết hợp giao dịch tại văn phòng với làm việc từ xa đảm bảo thông suốt thông tin và quy trình nghiệp vụ theo yêu cầu.
 - + Tập trung, tổ chức các nhóm làm việc phù hợp cho các khách hàng VIP theo phương thức 24/7 đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Dịch vụ logistics cung cấp các khách hàng trong khu công nghiệp với sản lượng lớn đã góp phần quan trọng vào kết quả ổn định của năm.
4. Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ.
 - Thực hiện việc đăng ký FMC để phục vụ dịch vụ hàng xuất đường biển đi Mỹ.
 - Di chuyển 2 văn phòng 44 Trường Sơn và Chi nhánh Hải Phòng về địa điểm mới, tăng tính chuyên nghiệp và điều kiện làm việc tốt hơn cho CBNV .
 - Thành lập 1 Phòng Dịch vụ khách hàng lớn .
 - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định.
 - Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 và HĐQT .

Một số hạn chế:

- + Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh nhân viên kinh doanh và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế.
- + Cơ sở vật chất thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng,

2) Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Tài sản ngắn hạn	273.647.046.036	317.473.377.885	86,20%
B. Tài sản dài hạn	87.187.367.573	88.440.155.818	98,58%
Tổng cộng	360.834.413.609	405.913.533.703	88,89%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số cuối năm	%
A. Nợ ngắn hạn	70.605.391.209	144.602.481.147	48,83%
B. Nợ dài hạn	42.359.325.000	42.362.300.000	99,99%
Tổng cộng	112.964.716.209	186.964.781.147	60,42%

c) Tình hình các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Các khoản phải thu ngắn hạn	171.654.509.339	260.147.623.622	65,98%
B. Các khoản phải thu dài hạn	1.919.730.880	2.607.826.880	73,61%
Tổng cộng	173.574.240.219	262.755.450.502	66,06%

Các khoản phải thu và phải trả hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ.

- Di chuyển 2 văn phòng 44 Trường Sơn và Chi nhánh Hải Phòng về địa điểm mới, tăng tính chuyên nghiệp và điều kiện làm việc tốt hơn cho CBNV .

- Thành lập 1 Phòng Dịch vụ khách hàng lớn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023

Về kinh doanh và đầu tư

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 đang đứng trước nhiều thách thức cho sự hồi phục sau dịch, các yếu tố bất thường khó lường vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy vẫn chưa trở lại bình thường như trước năm 2020, ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga-Ucraina đặt ra nhiều biến động khó lường trong hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là sự không ổn định của giá nhiên liệu, lạm phát và suy thoái toàn cầu có dấu hiệu trở lại, các nhà sản xuất lớn trong nước thiếu đơn hàng, hoạt động xuất nhập khẩu bị tác động lớn ... Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, việc tổ chức điều hành kinh doanh ... là những yếu tố cần được chú ý trong hoạt động kinh doanh năm 2023.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2023 là:

- Tranh thủ khai thác các cơ hội trong điều kiện thị trường có nhiều thay đổi, linh hoạt thích ứng với tình hình mới, đồng thời tập trung thực hiện mọi biện pháp phù hợp để duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, cố gắng giữ ổn định các dịch vụ, chăm lo phát triển khách hàng mới, tăng tỷ trọng khách hàng lớn, khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài, liên kết chặt chẽ với các đối tác nước ngoài để khai thác mở rộng mạng lưới dịch vụ.
- Phấn đấu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ, phát huy kết quả tốt từ các dịch vụ cung cấp cho một số khách hàng lớn trong năm 2022 củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, tổ chức khai thác các nguồn lực hợp lý để nâng cao kết quả kinh doanh, phấn đấu giữ ổn định các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được. Tập trung xử lý các khoản nợ phù hợp với tình hình thị trường, đánh giá lại nguồn khách hàng lấy tiêu chí hiệu quả và an toàn làm cơ bản. Tiếp tục tập trung củng cố hoàn thiện và thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, hiệu quả quản lý kinh doanh thống nhất, tập trung và hiệu quả trong toàn công ty.

Chỉ tiêu chủ yếu :

- Tổng Doanh thu :	1.200 tỷ VND.
- Lãi trước thuế :	51 tỷ VND .
- Cổ tức :	1.200 đồng/cổ phần

Một số biện pháp chung:

- + Tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.
- + Về mặt kinh doanh: tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyên và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
- + Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng .
- + Nâng cao chất lượng công tác pháp chế nghiệp vụ VTQT và quản trị nguồn nhân lực.
- + Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh, tăng cường và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý của công ty và các đơn vị trực thuộc.
- + Khai thác tốt và hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới – phần mềm VMS để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ.
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- + Đầu tư mua sắm thay thế 5 xe vận tải, 15 ro-mooc, 1 xe 4-7 chỗ thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng.
- + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trong đoạn Cơ sở của ý kiến ngoại trừ liên quan đến các nội dung như sau:

Về vấn đề liên quan đến xác nhận công nợ: “Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận nợ phải trả đối với khoản tạm ứng tiền đến bù di dời mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink liên quan đến dự án chuyển đổi công năng, và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐDB 14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có số dư tại ngày 31/12/2022 là 32,8 tỷ VND như được trình bày tại Mục 4.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể cho ý kiến về khoản nợ phải trả, như đã nêu trên tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.”

Chúng tôi xin được giải trình vấn đề này như sau: kiểm toán viên của chúng tôi đã gửi thư xác nhận công nợ đến Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội và không nhận được phản hồi. Ngoài ra, chúng tôi đã gửi yêu cầu đối chiếu công nợ cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội nhiều lần nhưng vẫn không nhận được phản hồi cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán. Hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty cũng như yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Công ty vẫn đang tiếp tục tiến hành các thủ tục để đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể CBNV thực hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV, tiết kiệm chi phí điện – nước, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp hiệu quả vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau :

- Chất lượng đội ngũ nhân lực : trong những năm gần đây các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.

- Thách thức trong quản trị nhân sự :

Số lượng các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ CBNV hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.

Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban Giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh

thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao do Công ty hoặc Công đoàn Khối Bộ Công Thương tổ chức.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban Giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ CBNV Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2022, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2022 trong điều kiện tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, biến động phức tạp do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện kinh doanh và phương thức làm việc, đến hiệu quả kinh doanh nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo tình hình vừa kinh doanh đạt kết quả cao vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh .
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.
- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và chế độ báo cáo thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty đáp ứng tốt các quy định về công bố thông tin trong năm 2022.

3. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- Về kết quả kinh doanh : Công ty đã thực hiện vượt mức chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu được giao. Việc tổ chức quản trị, điều hành được thực hiện tốt, tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý chủ chốt đã có những điều chỉnh hợp lý, kịp thời, có hiệu quả cao. Hệ thống phần mềm nghiệp vụ phát huy hiệu quả tốt trong việc tổ chức quản lý, nâng cao kinh doanh.
- Về đầu tư: Kế hoạch đầu tư mua xe đầu kéo container, rơ- mooc, tăng số lượng đầu kéo hiện có và thay thế một số đầu kéo hết niên hạn sử dụng chưa thực hiện được do tình hình thị trường kinh doanh vận tải ô tô không thuận lợi trong năm 2022.

- Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phần theo chương trình ESOP cho người lao động theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT phù hợp các quy định của pháp luật.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định
- Đã thực hiện việc chi cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp phù hợp với trạng thái bình thường mới, vừa phòng chống dịch bệnh, vừa kinh doanh ổn định và hiệu quả, an toàn. Tập trung khai thác tốt các cơ hội kinh doanh một cách linh hoạt và hiệu quả.
 - Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và quy trình quản lý - nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu thống nhất, tập trung và an toàn-hiệu quả trong toàn công ty. Bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở công ty và các chi nhánh. Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo quy định hiện hành.
 - Trình ĐHĐCĐ xem xét tăng vốn điều lệ công ty thêm 50% để đảm bảo quy mô hoạt động dịch vụ hiện tại thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau kiểm toán năm 2022.
 - Rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho công ty.
- Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho công ty.
- Thực hiện tốt Quy chế Quản trị công ty và Quy chế Hoạt động của HĐQT trong việc chỉ đạo điều hành và tổ chức hoạt động của HĐQT .

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2019-2024): 5 người.

Trong đó : Thành viên độc lập: 02 người ; Thành viên điều hành: 02 người

S T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên HĐQT các Công ty khác
1	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	3.43%	Ủy viên HĐQT – VNT Logistics Phó Chủ tịch HĐTV – RCL Vietnam

VINALINK – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	1,08%	Phó Chủ tịch HĐQT – FC VN Phó Chủ tịch HĐQT – LCM Chủ tịch HĐQT – Kim Thành Logistics Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận chuyển Vinalink Thành viên HĐQT – Cty TNHH vận tải Ô tô Vina Vinatrans
3	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT- Phó Tổng GD	0.76%	Thành viên HĐQT – Công ty LCM Thành viên HĐQT – FC Viet Nam Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Konoike Vina
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên độc lập HĐQT	0.24%	Giám đốc Cty CP Vận chuyển Vinalink
5	Ông Lê Văn Hùng <u>Ghi chú:</u> Ông Lê Văn Hùng đã gửi Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 05/08/2022.	Thành viên độc lập HĐQT	-	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Dịch vụ Bến Thành Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy Đặc Sản Thành viên HĐQT - Công ty CP Thương mại Phú Nhuận Thành viên HĐQT - Công ty CP Garmex Sài Gòn

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty Vinalink, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc theo nội dung như sau:

- Phối hợp BGD Công ty tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021 để có cơ sở xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2022.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo, triển khai các kế hoạch theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, đồng thời giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám đốc.
- Tại các cuộc họp, TGD báo cáo với HĐQT việc thực hiện các nghị quyết và các nhiệm vụ mà HĐQT đã ủy quyền. Thành viên HĐQT có ý kiến về các vấn đề của Công ty về các vấn đề cần thiết qua emails hoặc tại các cuộc họp của HĐQT.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: TGD tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022 :

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	227/2022/NQ/VNL- HĐQT	02/03/2022	1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022: ngày 27/04/2022 2) Kế hoạch chi cổ tức đợt 2/2021 (mức chi 8%, ngày chi 20/04/2022) 3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ năm 2022 và chi cổ tức đợt 2/2021 : 24/03/2022.
2	315/2022/NQ/VNL- HĐQT	22/03/2022	Thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại Công ty TNHH Vận Tài Việt Nhật (KONOIKE VINA)

			<p>và tham gia Hội đồng thành viên của Công ty KONOIKE VINA như sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Vũ Thế Đức, Chủ tịch HĐQT Công ty không còn là người đại diện vốn của Công ty tham gia Hội đồng thành viên Công ty KONOIKE VINA. - Ông Vũ Quốc Bảo, thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện vốn của Công ty tham gia Hội đồng thành viên Công ty KONOIKE VINA. <p>Thay đổi này có hiệu lực từ ngày 30/03/2022.</p>
3	349/2022/QĐ/VNL-HĐQT	31/03/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 và tài liệu ĐHCĐ. 2. Đồng ý quyết định bổ nhiệm lại các chức danh sau đây đến 30/04/2024: Ông Nguyễn Nam Tiến – Tổng Giám đốc Ông Vũ Quốc Bảo – Phó Tổng Giám đốc Bà Nguyễn Anh Nam – Kế toán trưởng Cty Bà Hoàng Thị Duy Thảo – Người phụ trách QTCT.
4	410/2022/QĐ/VNL-HĐQT	15/04/2022	Quyết định của HĐQT về kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết.
4	467/2022/QĐ/VNL-HĐQT	27/04/2022	Giao Kế hoạch kinh doanh năm 2022 cho Công ty
5	461/2022/NQ/VNL-HĐQT	27/04/2022	Thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại Công ty CP Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)
6	546/2022/NQ/VNL-HĐQT	17/05/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty Vinalink từ 90 tỉ đồng lên thành 94.27 tỉ đồng 2. Thông qua sửa đổi khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD. 3. Thông qua việc thay đổi tăng vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ với Sở KHĐT TPHCM, thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại TTLKCK và đăng ký giao dịch bổ sung với SGDK TPHCM theo quy định.

7	646/2022/NQ/VNL-HĐQT	15/06/2022	Kế hoạch thanh toán cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền cho cổ đông Mức chi 5%, ngày chi 15/07/2022 Ngày đăng ký cuối cùng: 04/07/2022
8	685/2022/NQ/VNL-HĐQT	29/06/2022	Thông nhất chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2022 : Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam Ủy quyền cho TGD ký Hợp đồng dịch vụ và thực hiện các công việc có liên quan đảm bảo BCTC được lập phù hợp với các quy định hiện hành.
9	966/2022/NQ/VNL-HĐQT	05/10/2022	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt cho cổ đông Vinalink. Mức chi : 7%, thời gian thanh toán : 04/11/2022 Ngày đăng ký cuối cùng: 24/10/2022

Nguồn : Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2022

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Quốc Huy và Ông Lê Văn Hùng là 2 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Ông Lê Văn Hùng đã gửi Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 05/08/2022.

Thành viên HĐQT độc lập tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, các thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập. Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT độc lập đã có phân biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo Điều lệ của Công ty.

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT chưa tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS (nhiệm kỳ 2019-2024): 3 người.

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS	0.05%
2	Bà Trang Anh Xuân	Thành viên BKS	0.90%
3	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	0.02%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp theo định kỳ và Trưởng BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành.
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định BCTC 6 tháng và BCTC năm 2022 đã kiểm toán.

c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty

- Về kết quả kinh doanh :

Tình hình kinh doanh năm 2022 không còn những yếu tố cơ hội có lợi mang đến kết quả kinh doanh tăng đột biến như quý 4 năm 2021 mà Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng tốt là một thành công lớn trong bối cảnh hiện nay. Đạt được kết quả này nhờ vào sự lãnh đạo đúng đắn tài tình của Ban Giám đốc Công ty. Ban Giám đốc đã trình HĐQT xem xét và duyệt những thay đổi trong tổ chức, bộ máy quản lý và đã có những phương án kinh doanh linh hoạt, kịp thời, thích ứng với diễn biến của thị trường.

CHỈ TIÊU	TH 2022	KH 2022	TH/KH	TH 2021	2022/2021
Doanh thu	1,096,727,838,424	1,500,000,000,000	73%	1,377,222,381,437	80%
LN trước thuế	53,988,331,910	47,000,000,000	115%	46,873,172,993	115%
LN sau thuế	43,913,344,844			37,743,118,162	116%

- Về việc quản lý, điều hành kinh doanh:

Công ty đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức công ty, thành lập phòng khách hàng lớn để hoạt động tập trung hơn, và đã đẩy mạnh mảng dịch vụ hàng xuất khẩu trong mua bán trên thị trường thương mại điện tử.

Trong năm Công ty đã tiến hành di dời địa điểm kinh doanh của bộ phận Hàng không và Chi nhánh Hải phòng.

Điều này sẽ là cơ sở cần thiết để tiếp tục có những bước tiến mới trong hoạt động kinh doanh tương lai.

- Về thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

+ Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 và HĐQT. Tổng số cổ phiếu đã bán là 427.000 cổ phiếu, đạt 94.9% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành, vốn tăng thêm 4.270.000.000 đồng.

+ Tiến hành chi cổ tức 15% bằng tiền mặt như kế hoạch.

- Về tuân thủ các quy định pháp luật :

+ Công ty đã hoạt động kinh doanh theo đúng các nội dung của Giấy phép đăng ký kinh doanh. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo, hạch toán kế toán, tài chính, các nội dung và yêu cầu của việc công bố thông tin theo pháp luật hiện hành đối với công ty cổ phần.

+ Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ : đã thực hiện theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022 đã kiểm toán

BCTC được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. BCTC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

- Thù lao HĐQT và BKS :

Thù lao HĐQT và BKS được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022.

d) Báo cáo về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc HĐQT và Ban Giám đốc đã triển khai đúng các nội dung hoạt động theo tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.

Trong các cuộc họp HĐQT, các thành viên đã cùng Ban Giám đốc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo sát sao, kịp thời phù hợp với tình hình kinh doanh phát sinh đầy biến động trong năm.

e) Báo cáo về kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

HĐQT & Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ BKS thực hiện đầy đủ công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS. Các phòng ban đã cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.

BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Các tài liệu trong cuộc họp đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm với HĐQT. Điều này giúp cho BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời với công tác quản lý, điều hành Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Mức thù lao và quỹ HĐQT & BKS năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế.

Mức thù lao cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 5 triệu đồng/ tháng

- Thành viên HĐQT : 3 triệu đồng/ tháng

- Trưởng Ban kiểm soát : 3 triệu đồng/ tháng

- Thành viên Ban Kiểm soát : 1 triệu đồng/ tháng

Thù lao và thu nhập của HĐQT và BGD Công ty

Thù lao thành viên HĐQT và BKS nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ năm 2022 phê duyệt.

Thù lao của HĐQT và BKS được nhận trong năm 2022 như sau : (ĐVT : đồng)

Tên	Chức vụ	Thù lao (trước thuế)
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	164.000.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT	114.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	112.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	90.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	76.500.000
Tổng cộng:		556.500.000

Thù lao Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Thù lao (trước thuế)
Bà Phan Phương Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	90.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	30.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên BKS	30.000.000
Tổng cộng:		150.000.000

Chi tiết các khoản thu nhập khác theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỉ lệ	Số cổ phiếu	Tỉ lệ	
1	Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	327.720	3,64%	323.720	3,43%	Bán
2	Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc	89.560	1,00%	101.560	1,08%	Mua (ESOP)
3	Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	60.000	0,67%	72.000	0,76%	Mua (ESOP)
4	Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng	2.500	0,03%	13.000	0,14%	Mua (ESOP)
5	Hoàng Thị Duy Thảo	Người được ủy quyền CBTT	24.700	0,27%	36.200	0,38%	Mua (ESOP)

6	Vũ Thế Quang	Con Ô. Vũ Thế Đức	-	0,00%	700	0,01%	Mua (ESOP)
7	Nguyễn Bích Ngọc	Con dâu Ô. Vũ Thế Đức	394.920	4,39%	389.320	4,13%	Bán

Nguồn : Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2022

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2022, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
1	Cty TNHH RCL Việt Nam	Cty liên doanh	782/GP-HCM 14/01/2005 UBND TP HCM	436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Quận 3, TP HCM	Năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Sử dụng dịch vụ: 1.339.120.434	
2	Cty TNHH DV đại lý vận chuyển (FC Vietnam)	Cty liên doanh	550/ GP-HCM 15/10/2003 UBND TP HCM	46-48 Hậu Gian g, P.4, Q. Tân Bình, TP HCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Sử dụng dịch vụ: 127.832.486	
3	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	Cty liên doanh	4110220003 05 18/08/2008 UBND TP HCM	18A Lưu Trọng Lư, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP HCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 167.830.073	
4	Cty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	Cty liên doanh	0305281429 24/10/2007 UBND TP HCM	30 Phan Thúc Duyệt, P. 4, Q. Tân Bình, TP HCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 1.587.731	
5	Cty CP Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Danang)	Cty liên kết	3203000048 12/08/2002 Sở KH & ĐT TP Đà Nẵng	184 Trần Phú, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 932.835.251 Sử dụng dịch vụ: 43.553.359	

6	Cty CP Vận chuyển Vinalink	Cty liên kết	0313412467 17/04/2020 Số KH-ĐT TPHCM	Lầu 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TPHCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 10.236.872 Sử dụng dịch vụ: 145.781.817
7	Công ty Cổ phần VINAFREIGHT	Liên quan người nội bộ	0302511219 14/01/2002 Số KHĐT TPHCM	Block C, lầu 1, tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, Tp. HCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 218.453.127 Sử dụng dịch vụ: 141.223.014
8	Công ty CP TRANSIMEX	Liên quan người nội bộ	0301874259 03/12/1999 SỐ KHĐT TPHCM	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Q.I, TP.HCM	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ : 27.641.740 Sử dụng dịch vụ: 1.212.661.253
9	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)	Liên quan người nội bộ	0103002086 07/04/2003 Số KH & ĐT Hà Nội	2 Bích Cầu, Đống Đa, Hà Nội	năm 2022	66/2021/NQ/VN L-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ : 20.762.933 Sử dụng dịch vụ: 1.140.541.772
10	Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans	Liên quan người nội bộ	0303590943 02/12/2004 Số KH-ĐT TPHCM	406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4	năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 27/04/2021 số 550/2021/NQ/V NL-HĐQT	Sử dụng dịch vụ: 15.000.000

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam

1. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận nợ phải trả đối với khoản tạm ứng tiền đền bù di dời mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ phần Logistics Vinalink liên quan đến dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB 14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có số dư tại ngày 31/12/2022

là 32,8 tỷ VND như được trình bày tại Mục 4.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể cho ý kiến về khoản nợ phải trả như đã nêu trên tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Nam Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Số CV: 1.98/2023/QĐ/VNL-ADM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

☪

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trích yếu: V/v Giải trình cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink ("Công ty") xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Quý Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Báo cáo tài chính ("BCTC") năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trong đoạn Cơ sở của ý kiến ngoại trừ liên quan đến các nội dung như sau:

Về vấn đề liên quan đến xác nhận công nợ: "Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận nợ phải trả đối với khoản tạm ứng tiền đền bù di dời mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ phần Logistics Vinalink liên quan đến dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB 14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có số dư tại ngày 31/12/2022 là 32,8 tỷ VND như được trình bày tại Mục 4.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể cho ý kiến về khoản nợ phải trả như đã nêu trên tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không."

Chúng tôi xin được giải trình vấn đề này như sau: kiểm toán viên của chúng tôi đã gửi thư xác nhận công nợ đến Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội và không nhận được phản hồi. Ngoài ra, chúng tôi đã gửi yêu cầu đối chiếu công nợ cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội nhiều lần nhưng vẫn không nhận được phản hồi cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán. Hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty cũng như yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Công ty vẫn đang tiếp tục tiến hành các thủ tục để đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.

Trên đây là ý kiến giải trình của chúng tôi liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022.

Trân trọng kính chào.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN

Nơi nhận:

- Như trên
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
- Lưu HS

Văn phòng Công ty: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM

ĐT: 84.28.3991 9259 – Email: headoffice@vinalinklogistics.com

Website: www.vinalinklogistics.com

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giải trình Báo cáo Tài chính năm 2022
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về việc chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	43.913.344.844	37.743.118.162	6.170.226.682	16,35

Lý do: Lợi nhuận được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết tăng.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NAM TIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nam Tiên

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Số: 354/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận nợ phải trả đối với khoản tạm ứng tiền đền bù di dời mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink liên quan đến dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB 14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có số dư tại ngày 31/12/2022 là 32,8 tỷ VND như được trình bày tại Mục 4.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể cho ý kiến về khoản nợ phải trả như đã nêu trên tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2019-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.647.046.036	317.473.377.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	85.975.264.733	55.560.434.999
1. Tiền	111		52.975.264.733	37.808.234.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	17.752.200.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.6	15.000.000.000	928.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	928.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.654.509.339	260.147.623.622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	166.104.792.026	253.479.568.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.813.055.389	6.655.732.681
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.374.365.671	6.440.356.996
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(9.637.703.747)	(6.428.034.500)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.017.271.964	836.819.264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		332.504.640	100.208.516
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.535.132	212.378.556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.187.367.573	88.440.155.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.919.730.880	2.607.826.880
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.919.730.880	2.607.826.880
II. Tài sản cố định	220		44.721.079.388	45.656.579.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	18.456.079.388	19.346.579.004
Nguyên giá	222		51.868.290.648	52.798.281.583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.412.211.260)	(33.451.702.579)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	26.265.000.000	26.310.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.000.000)	(90.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.6	39.348.614.037	39.206.331.678
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		41.606.493.302	41.606.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.984.029.265)	(3.126.311.624)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.197.943.268	969.418.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.197.943.268	969.418.256
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		360.834.413.609	405.913.533.703

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.964.716.209	186.964.781.147
I. Nợ ngắn hạn	310		70.605.391.209	144.602.481.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	40.115.694.685	100.755.963.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.407.878.138	5.092.058.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	4.722.620.931	4.436.534.183
4. Phải trả người lao động	314	4.9	13.720.209.923	23.787.038.676
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.042.543.346	2.999.260.359
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	4.296.982.323	6.211.664.036
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.299.461.863	1.319.961.863
II. Nợ dài hạn	330		42.359.325.000	42.362.300.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.11	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	32.859.325.000	32.862.300.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.869.697.400	218.948.752.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12.1	247.869.697.400	218.948.752.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.270.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.270.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.649.697.400	113.998.752.556
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		101.335.252.556	82.555.634.394
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.314.444.844	31.443.118.162
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		360.834.413.609	405.913.533.703



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.096.727.838.424	1.377.222.381.437
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	1.096.727.838.424	1.377.222.381.437
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.037.218.516.708	1.320.324.547.424
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.509.321.716	56.897.834.013
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	23.047.432.179	11.671.781.260
6. Chi phí tài chính	22		3.224.698.742	2.642.688.865
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	25.465.675.915	19.063.053.615
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.866.379.238	46.863.872.793
9. Thu nhập khác	31		182.820.879	9.300.200
10. Chi phí khác	32		60.868.207	-
11. Lợi nhuận khác	40		121.952.672	9.300.200
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.988.331.910	46.873.172.993
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	10.074.987.066	9.130.054.831
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.913.344.844	37.743.118.162
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	4.620	4.110
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	4.620	3.915



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.988.331.910	46.873.172.993
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.343.020.260	2.539.057.700
Các khoản dự phòng	03		3.067.386.888	621.726.749
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		142.457.183	774.594.827
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.066.759.847)	(8.543.608.501)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		43.474.436.394	42.264.943.768
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		86.112.476.744	(36.550.575.060)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(75.356.652.283)	4.862.724.237
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(460.821.136)	(420.388.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(9.011.143.448)	(8.320.754.166)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.123.500.000)	(676.133.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.634.796.271	1.159.816.151
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.837.696.397)	(198.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		612.996.632	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		928.500.000	560.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.392.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.134.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.883.938.968	7.936.358.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		587.739.203	5.039.858.501

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.12.1	4.270.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.6	(18.512.400.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.242.400.000)	(13.500.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		29.980.135.474	(7.300.325.348)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		55.560.434.999	63.166.424.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		434.694.260	(305.663.969)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50 + 60 +61)	70	4.1	85.975.264.733	55.560.434.999



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 05 năm 2022.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 94,27 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 312 người (31/12/2021: 332 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khi để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Trong năm 2022, đại dịch Coronavirus (COVID – 19) đã được kiểm soát nên giá cước vận chuyển có xu hướng giảm. Do đó, doanh thu và giá vốn năm nay giảm đáng kể so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 17 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2021.
- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Chi nhánh đã hoàn thành thủ tục giải thể theo nghị quyết số 1260/2021/NQ/VNL-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2021 và nhận được thông báo chấm dứt hoạt động số 129/TB-ĐKKD ngày 08 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 06 năm.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Cụ thể, các dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	1.338.584.452	1.643.714.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.125.180.281	36.164.520.071
Tiền đang chuyển	3.511.500.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	33.000.000.000	17.752.200.000
Cộng	85.975.264.733	55.560.434.999

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	23.242.846	74.279.048
Phải thu khách hàng trong nước:	161.254.297.620	218.712.954.450
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	55.610.947.019	55.623.474.206
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	27.133.942.211	34.238.276.624
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	11.324.728.510	13.984.731.084
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng</i>	9.856.800.000	10.856.800.000
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.924.395.095	7.423.851.353
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	52.403.484.785	96.585.821.183
Phải thu khách hàng nước ngoài:	4.827.251.560	34.692.334.947
<i>Alisped Japan Ltd.c</i>	1.033.975.923	209.288.688
<i>TPF Sports HK Ltd</i>	821.412.421	8.947.013.078
<i>Openroad Transportation Inc</i>	-	11.804.837.864
<i>The Ultimate Freight Management And Logistics Inc</i>	-	4.541.784.590
<i>Nordicfreight & Logistik AB</i>	-	2.767.556.163
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	2.971.863.216	6.421.854.564
Cộng	166.104.792.026	253.479.568.445

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	12.713.767.725	3.076.063.978	11.856.434.500	5.428.400.000

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	2.957.040.000	Từ 2 năm – 3 năm	10.856.800.000	5.428.400.000	Từ 1 năm – 2 năm
Công ty TNHH Một Thành Viên Thoát nước Hà Nội	2.042.078.500	-	Trên 3 năm	-	-	-
Khác	814.889.225	119.023.978	Từ trên 2 năm	999.634.500	-	Trên 3 năm
Cộng	12.713.767.725	3.076.063.978		11.856.434.500	5.428.400.000	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	21.838.529.093	518.990.476	29.641.853.360	798.908.654	52.798.281.583
Tăng trong năm	-	-	1.837.696.397	-	1.837.696.397
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.634.282.182)	(133.405.150)	(2.767.687.332)
Tại ngày 31/12/2022	21.838.529.093	518.990.476	28.845.267.575	665.503.504	51.868.290.648
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	8.181.440.508	287.393.091	24.372.621.991	610.246.989	33.451.702.579
Khấu hao trong năm	876.507.132	54.493.512	1.317.879.616	49.140.000	2.298.020.260
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.204.106.429)	(133.405.150)	(2.337.511.579)
Tại ngày 31/12/2022	9.057.947.640	341.886.603	23.486.395.178	525.981.839	33.412.211.260
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	13.657.088.585	231.597.385	5.269.231.369	188.661.665	19.346.579.004
Tại ngày 31/12/2022	12.780.581.453	177.103.873	5.358.872.397	139.521.665	18.456.079.388

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 24.057.568.940 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Tại ngày 31/12/2022	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	-	90.000.000	90.000.000
Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
Tại ngày 31/12/2022	-	135.000.000	135.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	26.130.000.000	180.000.000	26.310.000.000
Tại ngày 31/12/2022	26.130.000.000	135.000.000	26.265.000.000

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, lãi suất 8%/năm tại ngày 31/12/2022.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		2.984.029.265	19.120.589.000		3.126.311.624
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	8.784.000.000		-	8.784.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Cộng	41.606.493.302		2.984.029.265	41.606.493.302		3.126.311.624

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150.000		-	726.150.000		-
-------------------------------------	-------------	--	---	-------------	--	---

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	18.360.688.823	18.360.688.823	75.691.760.257	75.691.760.257
<i>Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội</i>	1.008.409.731	1.008.409.731	1.814.640.106	1.814.640.106
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Hành tinh Bầu Trời</i>	309.687.386	309.687.386	6.076.164.634	6.076.164.634
<i>Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Hàng không Toàn Cầu Việt Nam</i>	250.859.793	250.859.793	4.691.436.769	4.691.436.769
<i>Văn phòng bán vé HHK Japan Airlines Co., Ltd</i>	160.177.373	160.177.373	3.129.775.289	3.129.775.289
<i>Công ty TNHH Tiếp vận AVC Việt Nam</i>	141.885.301	141.885.301	4.840.448.401	4.840.448.401
<i>Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Newstar</i>	100.000.000	100.000.000	2.608.522.690	2.608.522.690
<i>Công ty TNHH Pentiger Việt Nam</i>	16.532.851	16.532.851	11.434.718.305	11.434.718.305
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	16.373.136.388	16.373.136.388	41.096.054.063	41.096.054.063
Phải trả người bán nước ngoài:	21.755.005.862	21.755.005.862	25.064.202.950	25.064.202.950
<i>BTX Global Logistics Express Line Corporation</i>	1.652.167.079	1.652.167.079	411.724.108	411.724.108
<i>Trimanson Express Ltd.</i>	1.267.339.093	1.267.339.093	275.160.559	275.160.559
<i>Qualit Air & Sea Germany Gmbh</i>	1.217.498.262	1.217.498.262	39.813.874	39.813.874
<i>Shenzhen HM International Logistics Co., Ltd.</i>	503.352.692	503.352.692	1.091.647.054	1.091.647.054
<i>Ningbo Hightime International Logistics Co.,Ltd</i>	105.598.500	105.598.500	1.051.029.834	1.051.029.834
<i>Infinity Logistics & Transport Sdn Bhd</i>	105.578.330	105.578.330	2.465.220.880	2.465.220.880
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	-	-	1.590.791.250	1.590.791.250
	16.903.471.906	16.903.471.906	18.138.815.391	18.138.815.391
Cộng	40.115.694.685	40.115.694.685	100.755.963.207	100.755.963.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	176.745.369	26.958.382.703	3.545.419.021	23.640.908.802	-	404.690.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.593.898.449	10.074.987.066	9.011.143.448	-	-	2.530.054.831
Thuế thu nhập cá nhân	-	864.088.455	11.968.418.335	12.505.435.681	-	-	1.401.105.801
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	4.334.631.306	4.334.631.306	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	87.888.658	1.000.194.855	1.012.989.259	-	-	100.683.062
Cộng	<u>524.232.192</u>	<u>4.722.620.931</u>	<u>54.336.614.265</u>	<u>30.409.618.715</u>	<u>23.640.908.802</u>	<u>524.232.192</u>	<u>4.436.534.183</u>

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2022 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2022.

4.10. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	3.269.484.465	5.224.033.923
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.027.497.858	987.630.113
Cộng	<u>4.296.982.323</u>	<u>6.211.664.036</u>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.325.000	62.300.000
Cộng	<u>32.859.325.000</u>	<u>32.862.300.000</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 11.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm mục 11.

Từ năm 2021, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	90.155.634.394	195.105.634.394
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	37.743.118.162	37.743.118.162
Chia cổ tức đợt 2 năm 2020	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2021	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.998.752.556	218.948.752.556
Tăng vốn trong năm nay	4.270.000.000	-	-	-	4.270.000.000
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	43.913.344.844	43.913.344.844
Chia cổ tức đợt 2 và đợt 3 năm 2021	-	-	-	(11.913.500.000)	(11.913.500.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2022	-	-	-	(6.598.900.000)	(6.598.900.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	94.270.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	138.649.697.400	247.869.697.400

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Vào ngày 11 tháng 03 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 1200/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 550/2021/NQ/VNL-HĐQT ngày 27/04/2021 và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 789/2021/QĐ/VNL-HĐQT ngày 01/07/2021 với phương án phát hành 450.000 cổ phiếu, tương ứng 5% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức chào bán trực tiếp cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Công ty với mục đích thu hút và tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên có năng lực tiếp tục cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Phương án sử dụng vốn là dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 05 tháng 04 năm 2022, với tổng số cổ phiếu đã bán là 427.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Công ty với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 94,9% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Vào ngày 06 tháng 05 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 2596/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành là 427.000 cổ phiếu. Vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 90.000.000.000 VND lên 94.270.000.000 VND.

4.12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	90.000.000.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	4.270.000.000	-
Vốn góp tại ngày 31/12	94.270.000.000	90.000.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.427.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.427.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.427.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	43.913.344.844	37.743.118.162
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(878.266.897)	(750.000.000)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.035.077.947	36.993.118.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.315.863	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.620	4.110

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2022.

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	43.913.344.844	37.743.118.162
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(878.266.897)	(750.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	43.035.077.947	36.993.118.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.315.863	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	450.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.315.863	9.450.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.620	3.915

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2022.

4.12.6. Cổ tức

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(18.512.400.000)	(13.500.000.000)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.064.899,72	851.524,97
	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	-
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	<u>1.426.257.972</u>	<u>426.723.472</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	709.756.762.392	913.020.340.164
<i>Dịch vụ hàng không</i>	321.251.640.458	439.850.858.084
<i>Dịch vụ đường biển</i>	297.963.944.451	390.121.282.596
<i>Dịch vụ logistics</i>	90.541.177.483	83.048.199.484
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	342.004.388.968	405.725.203.528
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	31.615.433.783	36.551.716.283
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	13.351.253.281	21.925.121.462
Cộng	<u>1.096.727.838.424</u>	<u>1.377.222.381.437</u>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	1.112.489.927	815.113.646

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân giảm doanh thu năm nay so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	654.524.982.537	863.751.713.879
<i>Dịch vụ hàng không</i>	296.656.616.198	418.303.388.421
<i>Dịch vụ đường biển</i>	274.594.710.360	366.533.528.711
<i>Dịch vụ logistics</i>	83.273.655.979	78.914.796.747
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	344.195.028.377	410.304.064.336
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	22.777.188.078	24.194.815.600
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	15.721.317.716	22.073.953.609
Cộng	1.037.218.516.708	1.320.324.547.424
Trong đó, giá vốn của dịch vụ cung cấp từ các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.656.288.096	1.264.425.046
Giá vốn hàng bán giảm tương ứng với doanh thu – Xem thêm mục 1.5.		

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7	14.962.869.667	7.281.010.511
Lãi tiền gửi	1.154.817.246	655.347.990
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.929.745.266	3.128.172.759
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	-	607.250.000
Cộng	23.047.432.179	11.671.781.260

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	12.140.799.971	13.004.966.497
Chi phí vật liệu	300.369.731	167.684.884
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.146.500	63.779.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.038.218.173	531.604.263
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.209.203.747	794.288.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.771.354.043	2.731.781.428
Các khoản chi phí khác	1.953.583.750	1.768.948.638
Cộng	25.465.675.915	19.063.053.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	87.576.175.271	88.327.291.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.020.260	2.539.057.700
Chi phí dự phòng nợ phải thu	4.209.203.747	794.288.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	924.186.308.334	1.206.264.319.618
Chi phí khác bằng tiền	44.369.485.011	41.462.643.220
Cộng	1.062.684.192.623	1.339.387.601.039

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	9.993.898.449	9.130.054.831
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	81.088.617	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.074.987.066	9.130.054.831

(*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	53.988.331.910	46.873.172.993
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	17.756.926.242	6.058.111.673
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(21.775.765.909)	(7.281.010.511)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	49.969.492.243	45.650.274.155
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.993.898.449	9.130.054.831

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Quy Nhơn.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	709.757	913.020	373.620	442.277	13.351	21.925	-	-	1.096.728	1.377.222
Giữa các bộ phận	11.876	22.052	50.889	62.925	3.072	1.837	(65.837)	(86.815)	-	-
Cộng	721.632	935.072	424.509	505.202	16.423	23.762	(65.837)	(86.815)	1.096.728	1.377.222
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	56.830	53.496	2.260	2.292	419	1.110	-	-	59.509	56.898
Chi phí không phân bổ									(25.466)	(19.063)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									34.043	37.835
Thu nhập tài chính									23.047	11.672
Chi phí tài chính									(3.225)	(2.643)
Lợi nhuận khác									122	9
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(10.075)	(9.130)
Lợi nhuận sau thuế									43.913	37.743

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản của bộ phận	342.270	361.987	63.452	78.190	3.906	7.556	(48.794)	(41.819)	360.834	405.914
Tổng tài sản									360.834	405.914
Nợ phải trả của bộ phận	98.328	146.536	59.947	75.806	3.483	6.443	(48.794)	(41.819)	112.964	186.965
Tổng nợ phải trả									112.964	186.965
	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí mua sắm tài sản	1.838	199	-	-	-	-	-	-	1.838	199
Chi phí khấu hao	2.149	2.273	194	266	-	-	-	-	2.343	2.539

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	19.348.843	21.574.489
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	3.894.003	17.385.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	-	35.319.559
Cộng - Xem thêm mục 4.2	23.242.846	74.279.048
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND

Trả trước cho người bán ngắn hạn:

Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
-------------------------------------	---------------	---------------

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	932.835.251	418.837.240
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	167.830.073	319.210.591
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	10.236.872	67.652.725
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.587.731	9.413.090
Cộng - Xem thêm mục 5.1	1.112.489.927	815.113.646
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	1.339.120.434	914.086.927
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	145.781.817	229.025.589
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	127.832.486	74.656.049
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	43.553.359	43.656.481
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	-	3.000.000
Cộng - Xem thêm mục 5.2	1.656.288.096	1.264.425.046

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	7.500.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	6.000.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	1.062.869.667	861.410.511
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	-	219.600.000
Cộng - Xem thêm mục 5.3	14.962.869.667	7.281.010.511

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	514.000.000	405.000.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.727.996.783	1.516.315.994
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.460.424.700	1.215.259.134
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	90.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	76.500.000	27.000.000
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2021)	-	414.352.000
Cộng		5.868.921.483	3.613.927.128

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã chia:		
Ông Vũ Thế Đức	647.440.000	542.320.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	193.520.000	134.340.000
Ông Vũ Quốc Bảo	134.400.000	90.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	43.540.000	15.516.000
Cộng	1.018.900.000	782.176.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban	90.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên	30.000.000	12.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên	30.000.000	12.000.000
Cộng		150.000.000	60.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.377.222.381.437	1.464.037.245.332
Giá vốn hàng bán	1.320.324.547.424	1.407.139.411.319
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.915	3.914

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán nêu trên là do trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành liên quan đến việc loại trừ các giao dịch cung cấp dịch vụ giữa Trụ sở chính và các chi nhánh – đơn vị trực thuộc.

Việc báo cáo lại thông tin so sánh chỉ tiêu Lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27 tháng 04 năm 2022 (báo cáo tài chính năm 2021 được ghi nhận theo số tạm trích).

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 146/2023/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 28/02/2023, Công ty đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ là 8% mệnh giá cổ phần (800 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 7.541.600.000 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 21/04/2023.

Ngoài việc công bố cổ tức như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập